

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2022

V/v Không công nhận

Quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST–HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Vương Thị C** – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Á, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- Bị đơn: anh **Hoàng Văn M** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Á, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Vương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn M về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M có hành vi bạo lực gia đình, chị C cho rằng anh M có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Anh chị sống ly thân 04 năm nay, không còn quan tâm

đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh M có 02 con chung Hoàng Thúy N, sinh ngày 19/10/2006 và Hoàng Văn L, sinh ngày 20/9/2008. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng để anh M trực tiếp nuôi dưỡng hai con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Hoàng Văn M nhưng anh M không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ các Điều 9; 14; 15; 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vương Thị C và anh Hoàng Văn M, về con chung giao hai con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Vương Thị C và anh Hoàng Văn M về chung sống với nhau tự nguyện năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, phù hợp với nội dung giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Vì vậy hôn nhân giữa chị C và anh M là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua lời khai của nguyên đơn quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân 04 năm nay, mâu thuẫn kéo dài đến nay cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân.

Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định “*trong trường hợp không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14; Điều 53 luật này; đối với con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Như vậy chị C và anh M chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay không có đăng ký kết hôn. Đối chiếu với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị C và anh M có hai con chung Hoàng Thúy N, sinh ngày 19/10/2006 và Hoàng Văn L, sinh ngày 20/9/2008. Kết quả xác minh của Tòa án xác định hiện tại các con chung đang ở cùng anh M và ông bà nội có nơi ở và học tập ổn định. Anh M đang đi làm có công việc và thu nhập ổn định, đồng thời vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản lấy lời khai, các con chung đều có nguyện vọng ở cùng bố.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt cũng như nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con cho anh Hoàng Văn Mưu trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí*: chị Vương Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình;
Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vương Thị C và anh Hoàng Văn M.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Hoàng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Thúy N, sinh ngày 19/10/2006 và Hoàng Văn L, sinh ngày 20/9/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Vương Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Vương Thị C phải chịu 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0002148 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA